

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

Tú xướng
Thơ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Thơ văn

TÚ XƯƠNG

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

KIỀU VĂN

(TUYỂN CHỌN - GIỚI THIỆU)

Thơ văn

TÚ XƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời nói đầu

37 năm của cuộc đời Tú Xương (1870 - 1907) nằm trọn trong giai đoạn lịch sử vô cùng bi thảm : Triều đình nhà Nguyễn vốn lạc hậu và bảo thủ, đang trên đà suy sụp, rốt cuộc đã bán đứng đất nước ta cho thực dân Pháp.

Việc chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập vào Việt Nam đã làm thay đổi sâu sắc đất nước ta về tất cả mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn hóa, đạo đức và xã hội.

Thế nhưng Việt Nam đâu có trở thành một nước tư bản chủ nghĩa thực thụ ! Trái lại nó bị giam hãm trong cơ chế của một nước phong kiến nửa thuộc địa.

Bức tranh xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX là một bức tranh xám xịt, nhảm nhở. Toàn bộ vùng nông thôn rộng lớn vẫn chìm trong đêm tối của cảnh nghèo khôn, lạc hậu. Còn ở các vùng kẻ chợ như Hà Nội và Nam Định (quê Tú Xương) thì phơi bày một cảnh đời đời bại và lố lằng.

Tú Xương là một con người có đầy đủ lương tri và bản lĩnh của một trí thức Việt Nam phong kiến chân chính. Nói như Tchernychevsky, nhà triết học và văn hào Nga thế kỉ XIX - ông là "nguyên động lực của động lực", là "tinh chất muối trong

muối của trần gian".

Tú Xương có tài văn chương xuất chúng, có cái TÂM của một nhà nhân đạo chủ nghĩa, yêu nước, thương xót giống nòi ; có cái TRÍ của một người lỗi lạc biết được cái gì có thể chấp nhận và cái gì phải phủ nhận trên thế giới này; có cái HỒN của một nhà lãng mạn chủ nghĩa tâm vóc nhân loại.

Số phận của bản thân ông phản ánh số phận của dân tộc ông thời ấy. Đó là bi kịch của một con người "tiền thoái lương nan". Ông không thể cam tâm "vứt bút lông đi giắt bút chì" để trở thành "Chẳng kí, không thông cũng cậu bồi" như những kẻ vô liêm sỉ khác. Ông cũng không phải hạng hủ nho vùi đầu vào kinh sử, quanh năm "đeo gọt con sâu". Chính vì vậy mà ông đến nỗi "tám khoa chưa khỏi phạm trường qui".

Phẩm cách sĩ phu thời thúc ông phải đồ đạc, phải "lăm le bia đá bằng vàng cho vang mặt vợ". Tú Xương đã không tìm ra được một con đường tiến thân đúng đắn. Những bế tắc về tư tưởng, về công danh, và cảnh khốn cùng đã khiến ông phân chí, có lúc tưởng chừng phát điên phát dại.

Một nhân cách lớn và một tài năng lớn như Tú Xương lẽ nào lại chịu "tan nát với cỏ cây"? Tú Xương đã, không phải "nhả ngọc phun châu" mà nhả đạn ra ngoài miệng bắn phá cái cuộc đời xấu xa bẩn thỉu đang diễn ra xung quanh ông. Ông đã

trút vào văn thơ tất cả những nỗi ưu uất của lòng mình.

Mải sống, mải chơi, mải vầy vùng và "bắn phá", Tú Xương có lẽ không hề nghĩ đến cái thành quả, cái "sự nghiệp" đích thực của chính ông. Ông đã nói và nói thật rằng:

*Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thế có ra gì !*

Trái với cái ý nghĩ tuyệt vọng đó, lịch sử đã xác nhận : Thành quả lớn nhất của nền văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX thuộc về dòng văn chương hiện thực - trữ tình - trào phúng với hai nhà thơ lỗi lạc : Nguyễn Khuyến và Tú Xương.

Về nội dung, thơ Tú Xương mang tính hiện thực cao độ, phản ánh cả một xã hội "kẻ chợ" (thành Nam Định) với đủ mọi hạng người, và phản ánh sự suy đồi của nền đạo đức luân lí trong thời buổi giao thời ấy. Thơ văn Tú Xương cũng khắc họa được hình tượng một "nhân vật của thời đại". Đó là bản thân Tú Xương : một nhân vật có tâm hồn cao đẹp và lãng mạn, có phẩm cách, tài năng xuất chúng nhưng tiếc thay lại chưa tìm được cho mình một lí tưởng chân chính, rốt cuộc trở thành một nhân vật bi kịch. Không ở đâu "cái tôi" được miêu tả một cách sắc nét và đầy cá tính như trong thơ văn Tú Xương. Đó chính là "sự gặp gỡ không hẹn mà nên" giữa thơ Tú Xương với các trường phái

văn học phương Tây.

Thơ văn Tú Xương cũng hàm chứa những tình cảm vô cùng sâu sắc : những nỗi ưu tư với số phận của đất nước, với nền văn học và đạo đức của dân tộc, với những thiên tai, với muôn ngàn cảnh khổ của con người và nỗi đau đớn dần vật khôn xiết kể của chính nhà thơ. Thơ văn Tú Xương còn ghi lại hình ảnh người vợ mà nhà thơ vô cùng yêu quý. Đó là hình ảnh của một phụ nữ Việt Nam điển hình, cho đến nay vẫn khiến chúng ta rung cảm.

Về nghệ thuật, thơ Tú Xương đạt tới đỉnh cao bậc nhất ở thời đại ông. Tú Xương hầu như hoàn toàn chỉ sáng tác thơ nôm. Ông là người khẳng định triệt để giá trị và khả năng to lớn của tiếng Việt. Ông được người đời sau tôn là bậc "thần thơ thánh chữ". Ngôn từ của ông tài tình không kém nữ sĩ Hồ Xuân Hương trước kia nhưng phong phú hơn.

Bằng tiếng nói thông thường, bằng những câu cửa miệng của người bình dân, Tú Xương sáng tác những tác phẩm đặc sắc. Đó là tài nghệ của ông mà sau này chỉ có Nguyễn Bính sánh được.

Tính chất trào phúng vốn có nguồn gốc sâu xa trong bản tính của con người Việt Nam, đến Tú Xương đã được sử dụng triệt để và tung hoành như một lợi khí sắc bén. Tiếng cười trong thơ Tú Xương mạnh mẽ, luôn tạo nên những "Cú chết bất ngờ" cho kẻ nào bị ông đả kích.

Tú Xương, cũng như Vũ Trọng Phụng sau này, có biệt tài đưa những mảng hiện thực gần như trần trụi của cuộc sống vào trong thơ văn, vậy mà lại tạo ra được những tác phẩm hay đến mức thần tình.

*

Tú Xương mất đã gần 90 năm, vậy mà văn thơ của ông đối với chúng ta hôm nay vẫn gần gũi, vẫn sống động vô cùng.

Nỗi đau đời, những trần trở riêng chung, tiếng cười của ông và bút pháp tài tình của ông thể hiện trong hàng trăm tác phẩm thuộc đủ mọi thể loại (thơ, phú, văn, tế, ca trù, câu đối...), tất cả đã đưa ông lên vị trí một trong những nhà thơ lớn nhất của dân tộc.

KIỀU VĂN

Nằm nghe tiếng trống trống canh ba
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra.
Thiên hạ dễ thương đang ngủ cả
Việc gì mà thức một mình ta ?

Tú Xương

Phần I

Tự trào

Tự cười mình

I

Ở phố Hàng Nâu ⁽¹⁾ có phong sành
 Mặt thời lơ lảo, mắt thời xanh ⁽²⁾
 Vuốt râu nịnh vợ, con bu nó
 Quắc mắt khinh đời, cái bộ anh.
 Bài bạc kiêu cờ cao nhất xứ
 Rượu chè trai gái đủ tam khoanh.
 Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi
 Cứ việc ăn chơi, chẳng học hành.

(1) Phố Hàng Nâu (Nam Định) nơi Tú Xương ở.

(2) Có bản chép : "mắt thời nhanh".

II

Lúc túng toan lên bán cả trời
Trời cười : thằng bé nó hay chơi....
Cho hay công nợ là như thế
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời.
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm ⁽¹⁾
Ngựa xe chẳng thấy lúc nào ngơi.
Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột
Khéo khéo không mà nó cũng rơi.

(1) Con mụ : chỉ vợ nhà thơ (nói bốn)

Ta chẳng ra chi

Nếu có khôn ngoan đã vợ nhờ,
 Đại mà nhờ vợ, vợ làm ngơ.
 Sáng nem, bữa tối đòi ăn chả,
 Nay kiêu, ngày mai lại giở cờ.
 Ngồi đấy chả hơn gì chú Cuội
 Nói ra thì thẹn với ông tơ
 Nhấn nhẹ chôn ậy tìm nơi khác
 Ta chẳng ra chi, chớ đợi chờ !

Hỏi mình

Trải mấy mươi năm vẫn thế ru ?
 Rằng khôn, rằng đại, lại rằng ngu ?
 Những là thương cả cho đời bạc
 Nào có căm đâu đến kẻ thù ?
 No ấm chưa qua vành mẹ đĩ
 Đỗ dành may khỏi tiếng cha cu
 Phen này có dễ trời xoay lại
 Thằng bé con con đã chán cù.

Hỏi đũa mình

Ông có đi thi kí lục không ?
Nghe ông quốc ngữ đọc chưa thông.
Ví dù nhà nước cho ông đồ
Mỗi tháng lương ông được mấy đồng ?

Cảm hứng

Xấp xỉ ba mươi mấy tuổi đầu
Trăm năm tính đót hầy còn lâu.
Ví cho thi đỗ làm quan lớn
Thì cũng nhỏ to cưới chị hầu.
Đất nọ vẫn thường hay có chạch ⁽¹⁾
Bể kia có lúc cũng phải trồng dâu ⁽²⁾
Hôm nay rồi rãi buồn tình nhĩ
Thử xuống Hàng Thao đập ngón châu ⁽³⁾

(1) Tục ngữ "đất sỏi chạch vàng", ý nói đất tằm thường vẫn có thể sinh người tài giỏi.

(2) Do câu "biển xanh biến thành nương dâu" (thương hải biến vi tang điền).

(3) Hàng Thao, nơi có xóm cô đầu.

Quan tại gia

Một ngọn đèn xanh, mấy quyển vàng⁽¹⁾
 Bốn con làm lính, bố làm quan.
 Câu thơ câu phú : sưu cùng thuế,
 Nghiên mực nghiên son : tổng với làng⁽²⁾
 Nước, quạt chưa xong, con nhảy ngựa⁽³⁾
 Trống hầu vừa dứt, bố lên thang⁽⁴⁾
 Hỏi ra quan ấy ăn lương... vợ
 Dem chuyện trăm năm giở lại bàn.⁽⁵⁾

(1) Quyển vàng : sách quý của quan.

(2) Cảnh chơi trò làm quan : gọi thơ phú là "sưu thuế", gọi mực, son là "việc tổng việc làng".

(3) Con chưa quạt bếp nấu xong nước đã đi chơi trò "Nhảy ngựa" (nhảy lên lưng nhau)

(4) Đến giờ làm việc thì bố lên gác.

(5) Việc "quan" té ra toàn tâm sự với vợ nhà về những chuyện đời muôn thuở.

Thói đời

Người bảo ông điên, ông chẳng điên
Ông thương ông tiếc hóa ông phiền.
Kể yêu người ghét, hay gì chữ⁽¹⁾
Đứa trọng thằng khinh, chỉ vị tiền.
Ở bể² ngậm ngùi con tới lạch⁽²⁾
Được voi tập tễnh lại đòi tiên.
Khi cười khi khóc khi than thở
Muốn bỏ văn chương học võ biên !

(1) Biết gì chuyện chữ nghĩa !

(2) Tục ngữ : ở bể vào ngòi.

Mùa nức áo bông

Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông.
 Tưởng rằng ốm dậy, hóa ra không !
 Một tuồng rách rưới, con như bố
 Ba chữ nghêu ngao, vợ chán chồng.
 Đất biết bao giờ sang vận đỏ,
 Trời làm cho bố lúc chơi nông.
 Gân chùa gân cảnh ta tu quách,
 Cửa Phật quanh năm sẵn áo bông.

Thái vô tích ⁽¹⁾

Trời đất sinh ra chán vạn nghề
 Làm thầy, làm thợ, lại làm thuê.
 Bác này mới thật thái vô tích :
 Sáng vác ô đi, tối vác về !

(1) Tác giả tự giễu mình.

Than thân chưa đạt

Ta phải trang xong cái nợ ta,
Lẽ đâu chịu nợ mãi ru mà ?
Đường con, bu nó một năm một
Tính tuổi nhà thầy : ba lẻ ba.
Mở mắt quyết cho vua chúa biết,
Đua danh kéo nữa mẹ cha già !
Năm nay ta học, năm sau đỗ,
Chẳng những Lương Đường có thủ khoa. ⁽¹⁾

(1) Lương Đường : tên làng của vợ tác giả, (Hải Dương) có nhiều người thi đỗ.

Đi thi nói nông

Ông trông lên bảng thấy tên ông ⁽¹⁾
 Ông tốp rượu vào, ông nói nông.
 Trên bảng năm hai thầy cử đội ⁽²⁾
 Bốn kì mười bảy cái ưu thông ⁽³⁾
 Xướng danh tên gọi trên mình tượng ⁽⁴⁾
 Ăn yến xem ra có thịt công.
 Cụ xứ ⁽⁵⁾ có cô con gái đẹp
 Lăm le xui bố cưới làm chồng !

(1) Tác giả tưởng tượng một cách "nông" .

(2) Lệ thi chỉ lấy đầu có 50 cử nhân, mà trên bảng lại có 52 vị cử nhân đứng dưới tác giả ! (nói nông).

(3) Cả bốn kì, tối đa mới có 16 điểm ưu (ưu thông) mà tác giả được những... 17 điểm !

(4) Người xướng danh thí sinh thi đỗ, ngồi trên mình voi.

(5) Cụ Hàn Doãn Trực, đỗ đầu xứ, có 2 con gái đẹp, đang kén chồng đỗ cử nhân.

Thầy đồ dạy học

Có một cô lái nuôi một thầy đồ⁽¹⁾

Quần áo rách rưới, ăn uống xô bồ⁽²⁾

Cơm hai bữa : cá kho, rau muống ;

Quà một chiều⁽³⁾ : khoai lang, lúa ngô.

*Sao dám khinh mình : "Thầy đâu thầy bậy
thầy bạ"?*

Chẳng biết trọng đạo, cô⁽⁴⁾ gì : "cô lốc, cô lô" !

(1) Cô lái : chỉ vợ (bõn). Thầy đồ : tác giả.

(2) Ăn uống cầu thả, không kén chọn.

(3) Tức một buổi, một lần, một bữa.

(4) Cô (vai trò vợ của thầy).

Đi thi

Táp tễnh người đi tớ cũng đi,
 Cũng lều cũng chõng cũng vào thi.
 Tiền chân, cô ⁽¹⁾ mất hai đồng chẵn,
 Sờ bụng : thầy không một chữ gì !
 Lộc nước còn mong thêm giải ngạch ⁽²⁾
 Phúc nhà nay được sạch trường qui.
 Ba kì trọn vẹn thêm kì nữa,
 Ú ớ u ơ ngọn bút chì. ⁽³⁾

(1) Tức vợ tác giả.

(2) Mong lấy thêm người đỗ

(3) Từ 1897, kì thứ tư phải thi "quốc ngữ" viết các chữ như a, ă, â v.v... nhà nho dùng bút chì vẽ các chữ này, vừa tức cười, vừa tủi nhục.

Phú hồng khoa canh tí (1900)

Đau quá đòn hằn ;
Rất hơn lửa bỏng.
Hổ bút hổ nghiên ;
Tủ lều tủ chõng.

Nghĩ đến chữ "lương nhân đắc ý"⁽¹⁾ thêm nổi then
thùng ;

Ngắm đến câu "quyển thổ trùng lai"⁽²⁾ nói ra ngập
ngọng.

Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ
nói vậy mà thiêng ;

Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bằng nhãn thám hoa
lỡ ra cũng hồng.

Có một thầy :
Dốt chẳng dốt nào ;
Chữ hay, chữ lỏng.

Nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu
Hay hát hay chơi, hay nghề xuống lỗ.⁽³⁾

Quanh năm phong vận, áo hàng tàu, khăn nhiễu
tím, ô lục soạn xanh⁽⁴⁾ ;

Ra phố nghênh ngang, quần tố nữ, bút tất tơ, giày
Gia Định bóng.

Giá cứ chăm nghề đèn sách thì mười lăm mười sáu
 đồ tự bao giờ ;
 Chỉ vì quen lối thị thành, nên một tuổi một già,
 hóa ra lóng đống.
 Tú rớt bảng giữa năm Giáp Ngọ, nổi tiếng tài hoa ;
 Con nhà dòng ở đất Vị Xuyên, ăn phần
 cảnh nóng ⁽⁵⁾

Năm vua Thành Thái mười hai ;
 Lại mở khoa thi Mĩ Trọng ⁽⁶⁾
 Kì đệ tam văn đã viết rồi ;
 Bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.
 Thầy chắc hẳn văn chương đúng mực, lễ thánh xem
 giò ;
 Cô mừng thâm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.
 Sáng đi lễ phật, còn kì này kì nữa là xong ;
 Đêm dậy vái trời, qua mông bốn mông năm cho
 chóng.

Nào ngờ :
 Bảng nhỏ có tên
 Ngoại hàm còn trống. ⁽⁷⁾
 Kẻ đến sáng văn còn được chấm, bảng cốt nghênh
 ngang ;
 Người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lụng
 thụng.
 Thi là thế, học hành là thế, trò chuyện cùng ai ?

*Người một nơi, hồn phách một nơi, than thân với
bóng !*

Thôi thôi thôi :

Sách vở mập mờ ;

Văn chương lóng ngóng.

Khoa trước đã chầy ;

Khoa sau ắt chóng.

Hắn có kẻ lo toan việc nước, vua chữa dùng tài ;

Hay không ai dạy dỗ đàn con, trời còn bắt hồng !

(1) Người lành đặc ý (tin tưởng vận may)

(2) Phản công lại.

(3) Xuống lóng : xuống thuyền (chơi bơi, hát xướng).

(4) Ô lục soạn : ô bằng vải nhiều lụa.

(5) Cảnh nọng : khoanh thịt ở cổ súc vật được làm thịt, dành cho vị chức sắc.

(6) Nơi đặt trường thi.

(7) Túc bị đánh hồng (vì phạm trường qui hoặc nộp quyển chậm)

Phần II

***Phong nguyệt
tình hoài
Giang hồ
khí cốt***

(Tâm tình trăng gió, cốt cách giang hồ)

Tết dán câu đối

Nhập thế cục bất khả vô văn tự, ⁽¹⁾

Chẳng hay ho cũng húng hắng một vài bài

Huống thân danh đã đỗ tú tài

Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.

Đối rằng :

Cục nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình

hoài

Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt. ⁽²⁾

Viết vào giấy dán ngay lên cột

Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ?

Thưa rằng : hay thực là hay !

Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú tài ?

Xưa nay em vẫn chịu ngài... ⁽³⁾

(1) Bước vào đời không thể không chữ nghĩa.

(2) Cái phẩm giá tột cùng ở cõi người là tấm tình với trăng gió,

Sự phong lưu bậc nhất trên cõi đời là cốt cách giang hồ.

(3) Câu "chịu ngài" của bà Tú hàm cả hai ý : chịu văn chương ngài hay và chịu cái tính "ngông" của ngài nữa !

Ba cái lãnh nhăng

Một trà một rượu một đàn bà
 Ba cái lãnh nhăng nó quấy ta.
 Chừa được cái gì hay cái nấy,
 Có chẳng chừa rượu với chừa trà !

Thú cô đầu

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
 Cùng nhau đàn dít mấy đêm ngày.
 Năm canh to nhỏ tình dơi chuột,
 Sáu khắc mơ màng chuyện nước mây.
 Êm ái cung đàn chen tiếng hát
 La đà kẻ tỉnh dất người say.
 Thú vui chơi mãi mà không chán,
 Vô tận kho trời hết lại vay.

Tết tặng cô đầu

Ngày xuân mừng quý khách
Khi vui, lộ đàn phách !
Chuyện nở như pháo rang
Chuyện dai như chảo rách,
Đổ cả bốn chân giường
Xiêu cả một bức vách !

Đi hát mất ô

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày chân anh dận, ô tay anh cầm.
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy, em hãy còn nằm trơ trơ.
Hỏi ô, ô mất bao giờ,
Hỏi em, em cứ ôm ờ không thừa.
Chỉ e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình ?

Không chiều đãi

Rước phải cô đào mới tẻo teo
 Rác tai đà lắm sự ì ềo
 Cầm kì thi tửu, vui ra phá ⁽¹⁾
 Điền sản tư cơ mấy cũng nghèo.
 Bạn ác không vay mà thúc lãi ⁽²⁾
 Thối thành, dầu lịch cũng thành keo. ⁽³⁾
 Thôi thôi xin kiếu cô từ đây
 Chiều đãi thì tôi cũng... váo đèo.

(1) Chuyện cô "đào non" có thói vòi tiền quá thế, nên vui hóa ra phá tán.

(2) Cô nàng như người bạn ác, thúc tiền như thúc lãi nợ.

(3) Người thị thành lịch sự cũng phải xử keo.

Hỏi ông trời

Ta lên ta hỏi ông trời
Trời sinh ta ở trên đời biết chi ?
Biết chẳng, cũng chẳng biết gì !
Biết ngôi Thống Bảo, biết đi ả đầu ⁽¹⁾
Biết thuốc lá, biết chè Tàu,
Cao lâu biết vị, hồng lâu biết mùi.

(1) Thống Bảo : một sông bạc của Hoa Kiều.

Tự đắc

Ta nghĩ như ta có đại gì ?
 Ai chơi, chơi với, chẳng cần chi !
 Kìa thơ tri kỉ, đàn anh nhất,
 Nọ khách phong lưu, bậc thứ nhì.
 Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế,
 Giang hồ cho biết bạn tương tri.
 Gặp thời gặp vận nên bay nhảy
 Cho thỏa rằng sinh chẳng lỗi thì !

Chú Mán

*Phong lưu nhất ai bằng chú Mán⁽¹⁾
Trong anh em chúng bạn kém thua xa.
Buổi loạn li bốn bề không nhà
Răng chẳng nhuộm, vợ chẳng lấy, lựa là chẳng mặc.
Mán chỉ làm đủ tiền tiêu vật
Khi cao lâu, khi cà phê, khi nước đá,
khi thuốc lá, khi đủng đỉnh ngồi xe
Sự đời Mán chẳng buồn nghe.*

(1) Chú Mán : một người đến ở Nam Định, làm nghề chở lợn thuê ở chợ Vị Hoàng. Nhưng tính cách có nhiều nét lạ, như một kẻ ngông và phớt đời. Tú Xương nhân lấy chú làm nhân vật trong thơ của mình.

Nghèo mà vẫn vui

Kể xuất thế, ai bằng anh Mán ⁽¹⁾
 Trái mùi đời khôn chán, giả làm ngây.
 Hồ sinh ra lúc thời này,
 An thân mệnh thế, giấu tay anh hùng.
 Không danh cho dễ vẫy vùng
 Minh không phú quý, mắt không công hầu.
 Khi để chỏm, lúc cạo đầu,
 Nghêu ngao câu hát nửa Tàu nửa ta.
 Không đội nón, chịu màu da dãi nắng,
 Chẳng nhuộm răng, để trắng dễ cười đời.
 Chốn quyền môn luôn cúi mặt ai ai
 Ngoài cương tỏa thanh thời ai đã biết ?
 Chỉ âm ớ, giả cầm giả điếu
 Cứ vui tràn khi hát khi ngâm
 Trên đời mấy mặt tri âm !

(1) Tác giả mượn anh Mán để lồng cái tính cách của mình vào, tạo thành một thứ "nhân vật của thời đại" : có phẩm chất nhưng bất phù hợp thời, trở nên ngang tàng, kiêu hãnh và... ngông.

Áo bông che bạn ⁽¹⁾

Ai ơi, còn nhớ ai không ?
Trời mưa một mảnh áo bông che đầu.
Nào ai có tiếc ai đâu ?
Áo bông ai ướt khăn đầu ai khô ?
Người đi Tam Đảo, Ngũ hồ
Kẻ về khóc trúc than ngô một mình
Non non nước nước tình tình
Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ...

(1) Nguyễn Công Hoan đã phân tích bài thơ và khẳng định "bạn" đây là một cô gái. Các cụ phụ lão ở Vị Xuyên cũng xác nhận đây là bài thơ tình tác giả viết cho bà Hai Đích (tức bà Côn), con gái tiến sĩ Nguyễn Công Độ. Hai người yêu nhau từ hồi còn trẻ, nhưng không lấy được nhau vì gia đình ông Nghè không thuận. Mãi sau này hai người vẫn lưu luyến nhau và bài thơ này ghi lại một kỉ niệm lúc đã muộn màng.

Hóa ra dưa

Ước gì ta hóa ra dưa
Để cho người tắm nước mưa chậu đồng !
Ước gì ta hóa ra hồng
Để cho người bế người bông trên tay !

Gửi người cũ ⁽¹⁾

Yêu nhau chẳng lấy được nhau nào
Minh nghĩ làm sao, tớ nghĩ sao ?
Trai gái bởi tay bà mụ nặn
Vợ chồng nguyên mối chị Hằng trao ⁽²⁾
Xa đi ngán nỗi lòng thương nhớ
Gần lại càng thêm dạ khát khao.
Bến Vị non Nùng xa cách mấy ⁽³⁾
Mà không buộc chặt sợi tơ đào ?

(1) Tức cô Tuyết, một cô đầu ở Hà Nội.

(2) Tức bà Nguyệt.

(3) Bến Vị Hoàng (Nam Định) và núi Nùng (Hà Nội)

Nhớ bạn phương trời ⁽¹⁾

Ta nhớ người xa cách núi sông
 Người xa xa lắm, nhớ ta không ?
 Sao đang vui vẻ ra buồn bã ?
 Vừa mới quen nhau đã lạ lòng !
 Khi nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
 Nỗi riêng riêng cả đến tình chung.
 Tương tư lọ phải là mưa gió ⁽²⁾
 Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng.

(1) Có người nói đây là bài thơ nhớ Phan Bội Châu.

(2) Có bản chép "traị gái".

Cái nhớ

Cái nhớ hình dung nó thế nào ?
Khiến người trong dạ ngẩn ngơ sao !
Biết nhau cho lắm thêm buồn nhĩ
Để khách bên trời dạ ước ao !

Hỏi ông trăng

Ta lên ta hỏi ông trăng
Họa là ông có biết chăng sự đời !
Ông cao ông ở trên trời
Mà ông soi khắp nước người nước ta.
Năm châu cũng một ông mà
Kể riêng thì lại mỗi nhà mỗi ông.

Chiêm bao

Bỗng thấy chiêm bao thấy những người
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra lại tiếc người trong mộng
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi.

Văn tế sống vợ ⁽¹⁾

Con gái nhà dòng, lấy chồng kẻ chợ

Tiếng có miếng không, gặp chăng hay chớ⁽²⁾

Mặt nhũn nhụi, chân tay trắng trẻo, ai dám chê
rằng béo rằng lùn ?

*Người ung dung, tính hạnh khoan hòa, chỉ một bệnh
hay gàn hay dở.*

Đầu sông bãi bến, đưa tài buôn chín bán mười

Trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thơ⁽³⁾

Gần xa nô nức, lắm gái nhiều trai

Sớm tối khuyên răn, kẻ thầy người tớ.

Ông ⁽⁴⁾ tu tác cửa cao nhà rộng, phó mặc tay dâu,

Anh⁽⁵⁾ lăm le bia đá bảng vàng, cho vang mặt vợ.

Thế mà :

Mình bỏ mình đi, mình không chịu ở

Chẳng nói chẳng rằng, không than không thở.

*Hay mình thấy tớ : nay Hàng Thao, mai phố Giấy
mà bụng mình ghen ?*

Hay mình thấy tở : sáng Trạng Lạc, tối Viễn Lai,
mà lòng mình sợ ? ⁽⁶⁾

Thôi thôi chết quách yên mô, sống càng nặng nợ

Chữ nhất phẩm ơn vua vinh t⁷ ngày khác sẽ hay,

Duyên trăm năm ông Nguyệt xe dây, kiếp này đã
lỡ.
Mình đi tu cho thành tiên thành phật, để rong chơi
Lãng Uyển Bồng Hồ, (8)
Tớ nuôi con cho có rể có dâu, để trọn vẹn đạo
chồng nghĩa vợ.

(1) Nhà thơ chơi bởi phóng túng, tổn tiền, bà Tú giận dọa tự tử. Nhà thơ nhân đó làm bài văn tế này bày tỏ nỗi cảm thông với vợ.

(2) Ý nói được sao hay vậy.

(3) Tức thật thà thẳng thắn, không thối lợ.

(4) Ông : tức cha của nhà thơ.

(5) Anh : tức nhà thơ.

(6) Hàng Thao (Nam Định), phố Giấy (Hà Nội), có nhà hát cô đầu nổi tiếng.

Tràng Lạc, Viễn Lai : Hai hiệu cao lâu nổi tiếng ở Nam Định.

(7) Một mơ ước "viễn tưởng".

(8) Các chốn tiên cảnh (thần thoại Trung Hoa)

Phú thầy đồ dạy học

Thầy đồ thầy dạy
Dạy học dạy hành
Vài quyển sách nát
Dăm thằng trẻ ranh
Văn có hay đã đồ làm quan, võng điều võng tía,
Số có giỏi đã ra giúp nước, khó đỏ khó xanh.
Ý hẩn thầy văn đốt vũ dất, vả lại vừa gàn vừa dở,
Cho nên thầy lẫn quân loanh quanh.
Trông thầy
Con người phong nhã
Ở chốn thị thành,
Râu rậm bằng chổi
Đầu to tày giành.
Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo,
Cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam
khoanh.
Nhà lính tính quan, ăn rất những lạp xường, mặc
rất những quần vân áo xuyên,
Đất lê quê thói, chỗ ngồi cũng án thư, bàn đọc,
ngoài hiên cũng cánh xếp mảnh mảnh.

Gần có một mụ
 Sinh được bốn anh :
 Tên Ưông, tên Bái
 Tên Bột, tên Bành.
 Mẹ muốn con hay, rắp một nồi biễn cờ mũ áo,
 Chủ nước thầy học, tính đủ tiền chè rượu cơm canh.
 Chọn ngày lễ bái
 Mở cửa tập tành.
 Thầy ngồi chễm chệ
 Trò đứng xung quanh.
 Dạy câu Kiều lấy,
 Dạy khúc lí kinh
 Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải
 phép,
 Dạy những lúc cao lâu chiếu hát, ăn nói cho sành...⁽¹⁾

(1) Đủ thấy "chương trình" dạy của thầy đồ có một không hai này "phá cách" đến mức nào !

Phần III

Nỗi đời

Thương vợ

Quanh năm buôn bán ở mom sông⁽¹⁾
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ, âu đành phận
Năm nắng mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!⁽²⁾
Có chồng hờ hững cũng như không!

(1) Tức sông Vị (Nam Định)

(2) Tác giả tự trách mình một cách chua chát, đồng thời cũng chửi vào mặt đời bạc bẽo.

Khóc em gái

Mệnh sao bạc thế hỡi em ơi !
 Hai bốn hai lăm, cũng một đời.
 Bảng Hồ vừa treo, cầu Thước bắc, ⁽¹⁾
 Cành hoa đã rụng, phím đàn rơi.
 Cây tương tư héo, chồng râu rĩ
 Thuyền độ sinh đưa, phật rước mời.
 Những muốn dựng bia làm kỉ niệm,
 Lòng anh thương xót biết bao nguôi !

(1) Chồng vừa thi đỗ cử nhân (thi hương).
 Cầu Thước : Cầu ô Thước bắc cho Ngưu - Chức
 gặp nhau (ý nói em gái lấy chồng chưa bao lâu).

Than nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi,
Có ai, hay chỉ một mình tôi ?
Bạc đâu ra miệng mà mong được ?
Tiền chữa vào tay đã hết rồi !
Van nợ lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từng bữa mướt mồ hôi.
Biết thân, thưở trước đi làm quách,
Chẳng k²í, không thông, cũng cậu bồi!

Một nén tâm hương

Im ỉm thâu đêm lại thảng ngày ⁽¹⁾
 Bệnh đâu có bệnh lạ lòng thay !
 Thuốc thang nghĩ lại chua mà đắng
 Đường mật xem ra ngọt hóa cay.
 Lắm bệnh, bạn bè đi lại ít,
 Nặng lòng, họ mạc hỏi han đầy.
 Chỉ bèn một nén tâm hương nguyện
 Thuốc thánh, bùa tiên ắt chẳng chầy.

(1) Tác giả ốm nặng đã lâu.

Gần tết, than việc nhà

Bố ở một nơi con một nơi
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
Văn chương ngoại hạn, quan không chấm ⁽¹⁾
Nhà cửa giao canh, nợ phải bồi ⁽²⁾
Tìm bạn hóa ra người thất thố ⁽³⁾
Vì ai nên nổi quyển đâm vôi ⁽⁴⁾
Ba mươi một tuổi đà bao chốc
Lặn lội trèo non đã mấy hồi.

(1) Bài này làm vào năm Canh Tí, 1900, sau khi tác giả thi trượt, vì nộp quyển chậm phần phúc hạch quốc ngữ.

(2) Nhà cửa thế chấp vay nợ, nay phải giao cho nhà chức trách phát mãi.

(3) Tác giả tin bạn nên cho mượn nhà thế chấp, rồi cuộc... mất nhà!

(4) Quyển đâm vôi : Bài thi hỏng được cho vào cối giã với vôi để... làm giấy !

Dau mắt

Vui chẳng riêng ai, ốm một mình,
 Hỏi ai, ai cũng chỉ mằn thính.
 Vừa đồng bạc lớn, ông lang Sán ⁽¹⁾
 Lại mấy hào con, chú Ích Sinh ⁽¹⁾
 Hỏi vợ, vợ còn đi chạy gạo,
 Gọi con, con mãi đứng chơi đình.
 Muốn mù trời chẳng cho mù nhỉ ?
 Gương mắt trông chi buổi bạc tình ?

(1) Hiệu thuốc bắc.

Thề với người ăn xin

Người đói, ta đây cũng chẳng no,
Cha thằng nào có, tiếc không cho ! ⁽¹⁾
Họ đầy đọa mãi dân cày cuốc,
Ai xét soi cho cảnh học trò !
Mong được cơm no cùng áo ấm.
Gặp toàn nắng lửa với mưa gió.
Miếng ăn đến miếng là thừa kiện ⁽²⁾
Lúa rữ chân dê chữa được vò.

(1) Một câu chữ thề rất chi "dân dã", cũng là một câu chữ bọn giàu có keo kiệt.

(2) Nạn kiện tụng nhau dưới thời thực dân phong kiến, làm khốn cùng thêm cuộc sống của nông dân.

Than cùng

Khách hỏi nhà ông đến
 Nhà ông đã bán rồi.
 Vợ lăm le ở vú,
 Con tấp tểnh đi bồi.
 Ai trói voi bỏ rọ ? ⁽¹⁾
 Đời nào lợn cạo ngói ? ⁽²⁾
 Người bảo ông cùng mãi
 Ông cùng thế này thôi !

(1) Tục ngữ, nói sự bó buộc vô lí.

(2) Do câu sấm kí : "Bao giờ cho lợn cạo ngói, cho gà cắt cánh vua tôi sẽ về" ý nói bao giờ "đổi đời" ?

Đêm hè

Trời không chớp bể với mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn.
Bối rối tình duyên cơn gió thoảng
Nhật nhòe quang cảnh bóng trăng sông.
Khăn khăn áo áo thêm rầy chuyện,
Bút bút nghiên nghiên khéo gỡ tuồng.
Ngủ quách, sự đời thầy kẻ thức
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

Chợt giấc

Nằm nghe tiếng trống trống canh ba
Vừa giấc chiêm bao chợt tỉnh ra.
Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả
Việc gì mà thức một mình ta ?

Dạ hoài

Kìa cái đêm nay mới gọi đêm !
 Mất giường, trong bụng ngủ không thềm.
 Tình này ai tỏ cho ta nhỉ ?
 Tâm sự năm canh một ngọn đèn.

Đêm dài

Sực tỉnh trông ra ngõ sáng lòà,
 Đêm sao đêm mãi thế ru mà ?
 Lạnh lùng bốn bề ba phần tuyết
 Xao xác năm canh một tiếng gà.
 Chim chóc hãy còn nường cửa tổ
 Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.
 Nào ai là kẻ tìm ta đó
 Đốt đuốc mà soi kéo lẫn nhà !

Thiếu nữ đi tu

Con gái nhà ai đáng thị thành,
Cớ chi nữ phụ cái xuân xanh ?
Nhật màu son phấn, say màu đạo,
Mở cánh từ bi, khép cánh tình.
Miệng đọc nam vô quên chín chữ⁽¹⁾
Tay lân tràng hạt phụ ba sinh⁽²⁾
Tiếc thay thực nữ hồng nhan thế,
Nữ cạo đầu thề với quyển kinh !⁽³⁾

(1) chín chữ cù lao: công ơn cha mẹ.

(2) duyên nợ vợ chồng.

(3) Tú Xương cũng như Hàn Mặc Tử... các thi nhân đều "cảm" trước cảnh các cô gái chôn vùi tuổi xuân để đi tu.

Viếng bạn ⁽¹⁾

Đêm qua trần trọc không yên
 Vắng người cùng bạn bút nghiên sao đành ?
 Ngựa xe là thói tỉnh thành
 Nào người vui thú học hành là ai ?
 Nhớ khi thảo sách soạn bài
 Tựa trong khóm trúc, dạo ngoài hồ sen.
 Ngâm ngùi dưới nguyệt trước đèn,
 Ta vui ai biết, ta phiền ai hay ?
 Của trời như nước như mây
 Lũ ta như đại như ngậy như khờ ⁽²⁾
 Đi đâu một bước một chờ
 Vắng nhau một khắc một giờ khôn khuây.
 Tháng năm tết đến sau này
 Cùng ai lên núi hái cây xương bồ ? ⁽³⁾
 Há rằng thiếu nếp, không bồ ?
 Tri âm đã vắng, Bồng Hồ cũng thôi ! ⁽⁴⁾
 Qua năm hương, hội đến rồi ⁽⁵⁾
 Cùng ai vượt bể tới nơi kinh kì ?

*Dẫu cho vui thú phụng trì⁽⁶⁾
Khi vui mà vắng cố tri thêm sầu.
Bạn đàn, chưa dễ tìm nhau
Bạn nghiên bạn bút có đâu được nhiều ?*

(1) Túc ông Phạm Tuấn Phú.

(2) Vì không biết bon chen về đồng tiền.

(3) Giống cỏ mọc trên khe núi, hái về làm thuốc.

(4) Nếp: cái rương, cái tráp đựng đồ. Ý câu: Không phải vì thiếu phương tiện mà không đi du chơi cảnh đẹp.

(5) Kỳ thi hương đã qua, sắp tới kỳ thi hội.

(6) Hồ Phụng Trì : hồ đẹp trong cung vua.

Cảm tết

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo !
 Tiền bạc trong kho, chứa lĩnh tiêu.
 Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quẩy,
 Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
 Bánh đường sắp gói, e nôm chẩy,
 Giò lụa toan làm, sợ nằng thiêu...
 Thôi thế thì thôi, đành tết khác,
 Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo !

Lấy lẽ

Cha kiếp sinh ra phận má hồng !
Khéo thay một nỗi lấy chung chồng !
Mười đêm chị giữ mười đêm cả
Suốt tháng em nằm suốt tháng không.
Hầu hạ đã toan phân cát lũy⁽¹⁾
Nhặt khoan còn ỏm tiếng Hà Đông⁽²⁾
Ai về nhắn bảo đàn em bé
Có ế thì tu, chớ chớ chung !⁽³⁾

(1) Cát lũy : dây leo.

(2) Sư tử Hà Đông (vợ cả ghen)

(3) Có thể coi bài này là bài "hậu làm lẽ" sau bài thơ "Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng"... của Hồ Xuân Hương.

Vị hoàng hoài cổ

Nô nức qua chơi thú Vị Hoàng ⁽¹⁾
 Đây nơi phong vận đất nhiều quan ⁽²⁾
 Trời kia khiến vậy : sông nên bãi
 Ai khéo xoay ra phố nửa làng.
 Khua gõ trống chuông, chùa vẫn nức,
 Xi xèo tôm tép, chợ hầu tan.
 Việc làng quan lớn đi đâu cả ?
 Chỉ thấy năm ba bác xã bàn. ⁽³⁾

(1) Vị Hoàng : sông chảy qua Nam Định. Sau do phù sa bồi đắp, sông thành đồng rồi phố xá mọc lên.

(2) Đất này có nhiều người đỗ đạt làm quan.

(3) Tình trạng ngưng trệ tiêu điều của Vị Hoàng lúc đó.

Sống Lấp ⁽¹⁾

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.

(1) Một đoạn sông Vị Hoàng bị lấp.

Than đạo học ⁽¹⁾

Đạo học ngày nay đã chán rồi,
 Mười người đi học, chín người thôi
 Cô hàng bán sách lìm dìm ngủ,
 Thầy khoa tư lương ⁽²⁾ nhấp nhồm ngồi.
 Sĩ khí rụt rè, gà phải cáo,
 Văn trường liêu lĩnh, đấm ăn xôi.
 Tôi đâu dám mĩa làng tôi nhỉ? ⁽³⁾
 Trình có ông tiên thứ chỉ tôi. ⁽⁴⁾

(1) Tức Hán học. Từ 1900 thực dân Pháp bắt sửa chương trình thi cử, bớt chữ Hán, tăng quốc ngữ.

(2) Tức thầy khóa dạy tư.

(3) Làng tôi : tức làng nho.

(4) Tiên chỉ, thứ chỉ : chức sắc của vị có khoa bảng ở địa phương.

Chữ nho

Nào có ra gì cái chữ nho !
Ông nghề ông công cũng nằm co.
Chi bằng đi học làm ông phán
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò !

Hồng thi khoa quý mao (1903)

Trách mình phận hẩm lại duyên ôi !
Đỗ suốt hai trường ⁽¹⁾ hỏng một tôi !
"Tế" đổi làm "Cao" ⁽²⁾ mà chó thế !
"Kiện" trông ra "Tiệp" hơi trời ôi !
Mong gì nhà nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi.
Mũ áo biến cò, làng có đất,
Ô hay ! Hương vận mãi chưa hồi !

(1) Trường thi Hà Nội và Nam Định sáp nhập.

(2) Tác giả đổi Trần Tế Xương thành Trần Cao Xương, để mong thi đỗ.

Buồn thi hỏng

Bụng buồn còn muốn nói năng chi ?
 Đệ nhất buồn là cái hỏng thi.
 Một việc văn chương thôi cũng nhảm
 Trăm năm thân thể có ra gì !
 Được gần trường ốc vùng Nam Định
 Thua mãi anh em cánh Bắc Kỳ.
 Rõ thực nôm hay mà chữ tốt
 Tám khoa chưa khỏi phạm trường qui ⁽¹⁾

(1) Trường qui : Các luật lệ phải theo lúc làm quyển
 (như kiêng các tên húy của họ vua...). Tú Xương
 lần đầu về khoa cử tới tám lần, tức trên 20 năm.

Hễ mai tớ hồng

*Hễ mai tớ hồng, tớ đi ngay !
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày !
Học đã sôi cơm nhưng chưa chín
Thì không ăn ớt thế mà cay !
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ
Thung đầu nhờ trông một mẹ mày.
"Cổng hỉ", "mét xì" thông mọi tiếng⁽¹⁾
Chẳng sang Tàu cũng téch sang Tây...*

(1) Cổng hỉ : tiếng chào (Quảng Đông)

Mét xì : tiếng chào (Pháp)

Tết cô đầu

Chị hỡi chị, năm nay túng lắm,
 Biết làm sao ? Tết đến nơi rồi !
 Mới ngày nào chị mua muối cùng tôi
 Ngoảnh mặt lại hàng vôi nay đã bán⁽¹⁾
 Này nọ, này hoa, này hài, này hán
 Pháo, tranh Tàu, Hương Cảng mới sang
 Chị cùng em sắm sửa lo toan
 Muốn mua chịu, sợ nhà hàng lại lạ.
 Chị em ta cùng nhau giữ giá
 Đến bây giờ ngã cả chẳng ai nâng.
 Cũng liêu bán váy chơi xuân...

(1) Do câu "đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi" (mua muối để cầu mong sự mặn mà; mua vôi để dọn sửa tết)

Lụt năm bình ngô (1906)

Thử xem một tháng mấy lần mưa
Ruộng hóa ra sông, nước trắng bừa
Bát gạo Đồng Nai kinh chuyện cũ ⁽¹⁾
Con thuyền quý tị nhớ năm xưa ⁽²⁾
Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhĩ ?
Tôm tép vắng mình đã sướng chưa !
Nghe nói miền Nam trời đại hạn
Sao không san sẻ nước cho vừa ?

(1) Gạo phát chẩn ở Bắc Kỳ năm trước nhân nạn đói. Gạo bị mốc mà dân nghèo chen nhau tới lãnh vô cùng cực khổ.

(2) Lụt năm 1893 rất lớn ở Bắc Kỳ.

Mưa tháng bảy

Sang tuần tháng bảy tiết mưa ngâu
Nắng mãi thì mưa cũng phải lâu.
Vạc nọ cầm canh thay trống mõ,
Rồng kia phun nước tưới hoa màu.
Ỗ ào tiếng học nghe không rõ
Mát mẻ nhà ai ngủ hảnh lâu.
Ông lão nhà quê tang tảng dậy
Bảo con mang đó chớ mang gầu.

Đại hạn

Dạo này đá chảy với vàng trôi⁽¹⁾
Thiên hạ mong mưa đứng lại ngồi
Ngày trước biết gì ! Ăn với ngủ
Bây giờ lo cả nước cùng nôi.
Trâu mừng ruộng nẻ cày không được
Cá sợ ao khô vượt cả rồi.
Tình cảnh nhà ai nông nổi ấy
Quạt mo phe phẩy một mình tôi.

(1) Ý nói quá nóng nực

Gửi ông thủ khoa Phan ⁽¹⁾

Mấy năm vượt bể lại trèo non
 Em hỏi thăm qua bác hãy còn.
 Mái tóc giáp thìn đà điểm tuyết ⁽²⁾
 Điểm đầu canh tí chữa phai son ⁽³⁾
 Vá trời gặp hội, mây năm về ⁽⁴⁾
 Lấp bể ra công, đất một hòn ⁽⁵⁾
 Có phải như ai mà chẳng chết ?
 Giương tay chống vững cột càn khôn.

(1) Phan Bội Châu

(2) Năm 1904, Phan Bội Châu xuất dương.

(3) Năm 1900, Phan Bội Châu đỗ thủ khoa ở Nghệ An.

(4) Mây ngũ sắc tượng trưng cho vua : cụ Phan đã đưa được vua Cường Để sang Nhật.

(5) Chim tinh vệ lấp bể : ý nói khó thành công.

Câu đối tết

Thiên hạ xác rồi, còn đốt pháo ⁽¹⁾
Nhân tình trắng thế, lại bôi vôi. ⁽²⁾

*

- Không dung, xuân đến chi nhà tớ ?
- Có nhẽ trời mà đóng cửa ai !

*

Nực cười thay : nêu không, pháo không, vôi bột
cũng không, mà tết
Thôi cũng được : rượu có, nem có, bánh chưng
cũng có, thừa chơi

*Xuân về chớ để xuân đi, thương kẻ quạt nồng cùng
 ấp lạnh ⁽³⁾
 Năm mới khác gì năm cũ, van người bán muối với
 mua vôi. ⁽⁴⁾*

(1) Do câu "Tan như xác pháo"

(2) Cuối năm đón tết, người ta rắc vôi bột trước nhà thành hình cánh cung, nỏ, giáo... để trừ ma quỷ.

"Nhân tình" ở đây có nghĩa : "cảnh người" tức cảnh sống gieo neo khốn khó của con người thời ấy.

"Trắng" : bạc phếch, kiệt quệ.

(3) Giữ xuân cho khỏi hè nồng (quạt) và đông rét (ấp lạnh).

(4) "đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi".

Câu đối than thân

Nợ có chết ai đâu, chửi chó mắng mèo eo óc ;
Trời để sống ta mãi, lên xe xuống ngựa có phen

*

Trúc báo bình an, nữ để vun trồng bên kẻ ngách
Cò nhiều văn tự⁽¹⁾, cớ sao lặn lội ở bờ sông ?

(1) Cò "giàu" vì bán nhiều ruộng cho vạc, có văn tự đeo ở cổ ? (truyện cổ tích)

Phần IV

Tấn tuồng đời

Đất vị Hoàng ⁽¹⁾

Có đất nào như đất ấy không ?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đâu như cút sắt
Tham lam chuyện thờ nhữn̄g hơi đồng.
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh
Có đất nào như đất ấy không ?

(1) Vùng đất có sông Vị Hoàng chảy qua (thuộc tỉnh Nam Định trước đây), quê hương của Tú Xương

Vì tiền

Vì chung chẳng có hóa ra hèn
Hổ với anh em chúng bạn quen.
Thuở trước chơi bời còn quyến luyến,
Bây giờ đi lại dám mon men !
Giàu sang, âu yếm, tình quen thuộc,
Bần tiện, thờ ơ, dạ bạc đen.
Vĩ khiến trong tay tiền bạc có
Nói dơi nói chuột, chán người khen.

Bắt được đồng tiền

Đầu năm ra cửa được đồng tiền,
Nào có cầu đâu, được tự nhiên !
Ý hẩn nhà nho sang vận đỏ,
Hay là con tào tử người đen ?
Muốn đem trả nợ đòi nhà lại
Hay để làm lương giúp nước liền ?
Của cái vua ta đâu sẵn thế !
Chữ đề Tự Đức hãy còn nguyên !

(1) Rõ ràng tác giả giấu cợt ông vua "hùng mạnh" này.

Đồng tiền

Phạm kim chi nhân, duy tiền nhi dĩ⁽¹⁾

Hết tiền tiêu, trắng sãi cũng nằm co !

Chẳng đại khôn cũng chẳng thân sơ,

Có hơi kềm, tha hồ ngang ngửa !

Thơ rằng :

Toán lại thế sự kim năng ngữ

Thuyết đạo nhân tình kiếm dục minh⁽²⁾

Dơ dác thay những mặt tài tình

Co quắp lắm cũng ra hình thủ lỗ⁽³⁾

Tiền đâu hết, hết rồi lại có

Chữ bất nhân tạc đó không mòn.

Ai ơi giữ lấy lòng son !

(1) Người đời nay, thường chỉ tiền mới có thể...
(giải quyết được mọi sự) (2) Tính lại việc đời thì
vàng (tiền) có thể biết nói năng.

Nói đến nhân tình (cảnh con người) lưới kiếm
muốn kêu lên.

(3) Ý nói : kể cả những kẻ tài tình mà ham hố với
đồng tiền quá cũng thành kẻ ki bo, bần thủ.

Tiến sĩ giấy

Ông đỗ khoa nào, ở xứ nào
Thế mà hoa, hốt, với trâm, bào ? ⁽¹⁾
Mỗi năm mỗi tết trung thu đến
Tôi vẫn quen ông, chẳng muốn chào.

(1) Trang phục của tiến sĩ giấy : hoa cài mũ, hốt (thẻ bằng ngà cầm tay), trâm (cài tóc), bào (áo thụng).

Chế ông đốc học ⁽¹⁾

Ông về đốc học đã bao lâu,
Cờ bạc rong chơi rặt một màu !
Học trò chúng nó tội gì thế
Để đến cho ông vớ được đầu ?

(1) Đốc học Nam Định lúc bấy giờ.

Bốn tri phủ Xuân Trường

Tri phủ Xuân Trường⁽¹⁾ được mấy niên
 Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.
 Chữ "thôi" chữ "cứu" không phê đến,
 Ông chỉ quen phê một chữ "tiền" !

(1) Phủ Xuân Trường thuộc tỉnh Nam Định. Tri phủ nguyên là bạn Tú Xương, sau khi làm quan đâm ra quen thói ăn tiền.

Chế ông huyện Đ⁽¹⁾

Thánh cất ông vào chủ việc thi⁽²⁾
Đêm ngày coi sóc chốn trường qui.
Chẳng hay gian dối vì đâu vậy ?
Bá ngo⁽³⁾ thẳng ông biết chữ gì !

(1) Ông huyện Đ được cử làm chủ một kì thi khảo của hội thánh thành Nam.

(2) Việc cử ông chủ thi thông qua cuộc lễ thánh (xin quẻ)

(3) Bá ngo : tiếng chửi của nhà sư.

Ông Hàn ⁽¹⁾

Hàn lâm tu soạn ⁽²⁾ kém gì ai ?
 Đủ cả vung, nồi, cả công chai ⁽³⁾
 Ví thử quyền thi ông được chấm
 Dù cha dù mẹ đưa riêng ai !

(1) Túc hàn Triệu, vốn chỉ là tay nấu rượu, buôn bán, chạy được chút phẩm hàm.

(2) Chúc tu thư, ngang hàng thất phẩm.

(3) Tu soạn gì ? Tu soạn toàn dụng cụ... nấu rượu!

Ông Ấm ⁽¹⁾

Ấm không ra ấm, ấm ra... nôi,
Ấm chạy lăng quăng ấm chẳng ngồi.
Chán cả đồ chuyên cùng chén mẩu ⁽²⁾
Luộc giò, ninh thịt, lại đồ xôi !

(1) Gọi "ông ấm" vì con nhà dòng dõi.

(2) Đáng lẽ "ấm" là vật dụng quý sang, chỉ để pha trà. Nhưng ấm "nôi" này không "đánh bạn" với các thứ chén tách, mà hoàn toàn làm việc ninh nấu của... nôi.

Đưa bạn ở tù

Cái cách phong lưu, lộ phải cầu !
 Bỗng đâu gặp những chuyện đâu đâu.
 Một ngày hai bữa cơm kê cửa,
 Nửa bước ra đi, lính phải hầu.
 Trong tỉnh, mấy tòa quan biết mặt
 Ban công ba chữ gác ngang đầu. ⁽¹⁾
 Nhà vuông thông thả nằm chơi mát,
 Vùng vẫy tha hồ thế cũng âu !

(1) Ban công ba chữ : ba chữ khẩu, tạo thành hình cái gông.

Bơm già ⁽¹⁾

Thầy thầy tứ tứ, phố xênh xang,
Thoạt nhác trông ra ngõ cóc vàng.
Kiện hết sở Tuần, vô sở Sứ
Khi thì thầy số, lúc thầy lang.
Công nợ bóp bơ hình chúa Chổm,
Phong lưu đài các giống ông hoàng.
Phong lưu như thế phong lưu mãi
Điều ông, xe dài độ mấy gang ?

(1) Một tay bơm đóng nhiều vai, thầy lang, thầy bói, thầy dùi.

(2) Tên này thường luồn lọt vào các công sở để xui nguyên giục bị kiện nhau.

Đạo đức giả

Hỏi lão đâu ta ? Lão ở Liêm
 Trông ra bóng dáng đã hom hem.
 Lắng tai, non nước nghe chùng nặng⁽¹⁾
 Chóp mắt trắng hoa, giả cách nhèm⁽²⁾
 Cũng đã sư mô cùng đưa trẻ⁽³⁾
 Lại còn tấp tễnh với đàn em.
 Xuân thu ướm hỏi đà bao tá ?
 Cái miếng phong tình vẫn chữa khem.

(1) Nặng tai.

(2) Giả mắt kèm nhèm để sán lại nhìn gái.

(3) Ra vẻ mô phạm với người ít tuổi.

Ông Hàn bị vợ dọa bỏ

Ông đã ơn vua một chữ "hàn" ⁽¹⁾
Nay lành mai vỡ khéo đa đoan !
Được thua hai ngả, ba câu chuyện
Khôn dại trăm năm một tiếng đàn.
Chim chuột sau này, nên gắng sức...
Lợn gà thua ấy đã nên oan.
Có ai lành thủng, ông không biết, ⁽²⁾
Còn phải mang điều với gái ngoan.

(1) Túc chúc "hàn lâm". Trong bài thơ tác giả chơi chữ với nghĩa "hàn gấm", kể cả hàn gấm "tình" lẫn hàn "xoong nồi".

(2) Tài của ông "hàn" chỉ có thể biết xoong nồi lành hay thủng, còn... gái thì ông chịu không biết được gì...

Sư ở tù

Quảng đại tù bi cũng phải tù
 Hay là sư cũng vụng đường tu ?
 Tung kinh cứu khổ ba trăm quyển
 Ý hẵn còn quên một phép phù ?⁽¹⁾

(1) Tức bùa chú.

Con buôn

Ai đây ai ơi khéo hợm mình !
Giàu thì ai trọng, khó ai khinh ?
Thằng Ngô mất gánh, say câu chuyện
Chú lái nghiêng thoi mắc giọng tình⁽¹⁾
Có khéo có khôn thì có của,
Càng già càng trẻ lại càng xinh.
Xuống chân lên mặt ta đây nhỉ ?⁽²⁾
Chẳng biết rằng dơ dáng đại hình !

(1) Anh chủ thuyền mắc giọng tình của ả con buôn xảo quyệt này mà nghiêng thuyền cập tới đỗ của cho ả.

(2) Xuống chân lên mặt : vênh vào kiêu căng với mọi người.

Nước buôn

Nước buôn như chị mới ăn người
 Chị thấy ai ru ? Chị cũng cười !
 Chiều khách quá hơn nhà thổ ế,
 Đất hàng như thể mớ tôm tươi.
 Tiền hàng kẻ thiếu, mì thường đủ,
 Giá gạo đâu năm, đây vẫn mười.
 Thả quít nhiều anh mong mắ mẩu,
 Lên rừng mà hỏi chú đười ươi ! ⁽¹⁾

(1) "đười ươi giữ ống" bị lừa.

Chửi cậu ấm

Ấm Kì này đây, tở bảo này :
Cha con mày phải cái này cay !
Thôi đừng điếu tráp nghênh ngang nữa,
Thằng tiểu Phù Long nó chửi mày. ⁽¹⁾

(1) Tác giả chơi chữ : "chửi mày" nghĩa là... "đù m. mày !"

Mồng hai tết viếng cô Kí ⁽¹⁾

Cô Kí sao mà đã chết ngay ?
 Ô hay, trời chẳng nể ông Tây !
 Gái tơ đi lấy làm hai họ
 Năm mới vừa sang được một ngày.
 Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ, ⁽²⁾
 Ông chồng thương đến cái xe tay ! ⁽³⁾
 Góm gan cho những cô con gái
 Còn rủ rê nhau lấy các thầy !

(1) Cô Kí : vợ hai của một ông Kí mở hiệu xe tay, được chồng sai đi giao dịch với tên cầm Tây để kiếm lợi.

(2) Vì ngày Tết nên hàng phố đều sẵn câu đối đỏ, (để vui xuân) và nhân tiện để... khóc cô Kí).

(3) Ý nói : ông chồng thương xót cô Kí thì ít mà thương cái... xe tay (từ nay không ai lo) thì nhiều !

Thông gia với quan

Gái góa đem mình tựa cửa quan ⁽¹⁾
Nghĩ rằng quan lớn thế thì sang.
Thương con, toan lấy dây tơ buộc
Kén rể vì tham cái lọng tàn.
Nào có ra chi phường khổ lụa ⁽²⁾
Thôi thì cũng tủi kiếp hồng nhan.
Cậu này ắt hẳn hay nghề sáo
Dây vũ dây văn vụng ngón đàn. ⁽³⁾

(1) Một mẹ góa muốn thông gia với "quan", bèn gả con gái cho một "quan" nghiện thuốc phiện và đang xuống dốc !

(2) Phường khổ lụa : chỉ quan lại một cách khinh bỉ.

(3) Quan này chỉ quen thổi sáo (ngậm tẩu hút thuốc phiện)

Lên đồng

Khen ai khéo vẽ sự lên đồng
 Một lúc lên ngay sáu bảy ông ⁽¹⁾
 Sát quỉ, ông dùng thanh kiếm... gươm,
 Ra oai, bà giắt cái... khăn hồng.
 Cô giương tay ấn, tan tành núi,
 Cậu chỉ ngọn cờ càn rốc sông.
 Đồng giới sao đồng không giúp nước?
 Hay là đồng sợ sủng thần công ?

(1) Một giá đồng do một vị thần linh nào đó nhập vào. Người lên đồng lần lượt "hầu" hàng chục giá (ông, bà, cô, cậu v.v...)

Sư ông và mấy ả lên đồng

Chẳng khốn gì hơn cái nợ chồng !⁽¹⁾
Thà rằng bạn quách với sư xong !
Một thằng trọc tuếch ngồi khua mõ,
Hai ả tròn xoe đứng múa bông.
Thấp thoáng bên đèn lên bóng cậu⁽²⁾
Thướt tha dưới án nguyệt sư ông.
Chị em thủ thủ đêm thanh vắng :
"Chẳng sướng gì hơn lúc thượng đồng !" ⁽³⁾

(1) Giọng lưỡi hạng đàn bà lẳng lơ, vô hạnh.

(2) Túc nhập đồng "cậu"

(3) Tác giả vạch trần bản chất dâm dăng của sư và các ả đồng.

Than sự thi

Cử nhân : cậu ấm Kỉ,
 Tú tài : con đô Mĩ ⁽¹⁾
 Thi thế mà cũng thi !
 Ối khỉ ơi là khỉ !

(1) Ấm Kỉ và con của đô lại Mĩ, đều là kẻ dốt nát, vì
 - đút tiền mà được đỗ.

Năm mới

Khéo bảo nhau rằng : mới với me
Bảo ai rằng "cũ", chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tày rế
Váy lĩnh cô kia quét sạch hề.
Công đức tu hành sư cũng lộng
Xu hào rủng rỉnh, Mán ngồi xe. ⁽¹⁾
Chẳng phong lưu cũng ba ngày tết,
Kiết cú như ta cũng rượu chè !

(1) Mán : một anh chuyên nghề gánh thuê, vậy mà tết lại... ngồi xe hàng.

Lễ xướng danh khoa đình Dậu (1897)

Nhà nước ba năm mở một khoa
 Trường Nam thi lẫn với trường Hà ⁽¹⁾
 Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ
 Âm ọe quan trường miệng thét loa.
 Cờ kéo rọp trời, quan sứ đến
 Váy lê quét đất, mụ đầm ra.
 Nhân tài đất Bắc nào ai đó ? ⁽²⁾
 Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà !

(1) Khoa thi năm 1897.

(2) Có bản chép "Sao không nghĩ đến điều tu sĩ?".

Giễu người thi đỗ

Một đàn thằng hồng đứng mà trông,
Nó đỗ khoa này có sướng không !
Trên ghé, bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân, ông cử ngỏng đầu rồng.

Khoa canh tí ⁽¹⁾

Hai đứa tranh nhau cái thủ khoa ;
Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già ⁽²⁾
Năm nay đỗ rất phùng hay chữ,
Kìa bác Lê Tuyên cũng thứ ba ! ⁽³⁾

(1) Khoa thi năm 1900.

(2) Vũ Tuân đỗ đầu, Lê Sĩ Nghị đỗ thứ hai.

(3) Lê Tuyên, một ông sức học rất kém.

Bác cử Nhu

Sơ khảo khoa này, bác cử Nhu ⁽¹⁾
 Thực là vừa dốt lại vừa ngu ⁽²⁾
 Văn chương nào phải là đơn thuốc !
 Chợ có khuyên xằng, chết bỏ bu ! ⁽³⁾

(1) Cử Nhu, con một nhà bán thuốc bắc, học lực tầm thường, nhưng có bằng cử nhân, được cử làm chủ kì thi sơ khảo trường thi Nam Định khoa canh tí (1900).

(2) Có bản chép "sách như hũ nút, chữ như mù".

(3) "Khuyên" tức dùng bút đỏ khuyên một vòng ở câu văn hay. Nhà hàng thuốc bắc cũng có kiểu đánh dấu vào đơn thuốc lúc bốc thuốc. Tác giả chế giễu ông bán thuốc bắc chấm bài thi.

Ông cử Ba

Cửa Vũ, ba nghìn sóng nhảy qua ⁽¹⁾

Ai ngờ mũ áo đến... ba ba ! ⁽²⁾

Đầu như lơn đất mà không lấm ⁽³⁾

Thân tựa xà hang cũng ngổ ra ⁽⁴⁾

Dưới nước chẳng ưa, ưa trên cạn

Đất sét không ăn, ăn thịt gà !

Tuy rằng cổ rụt mà không ngổng

Hể cần ai thì sét mới tha ! ⁽⁵⁾

(1) Vượt qua được cửa Vũ Môn (cá chép hóa rồng, thí sinh thi đỗ).

(2) Tác giả chơi chữ: "cử Ba" và "con ba ba". Đáng lẽ mũ áo chỉ đến với cá chép, đã hóa rồng, nhưng bây giờ lại ban cho... "ba ba".

(3) Do câu "thân lơn bao quản lấm đầu".

(4) Rắn núp trong hang ngổ ra, vênh vào.

(5) Người ta bảo tính con ba ba rất ác, hể cần ai thì phải có tiếng sấm sét mới chịu nhả. Đây nói cử Ba rất tàn ác với dân.

Ông tiến sĩ mới

*Tiến sĩ khoa này đồ mấy người ?
Xem chùng hay chữ có ông thôi !
Nghe văn mà gớm cho văn nhĩ⁽¹⁾
Cờ biển vua ban cũng lạ đời !*

(1) Có bản chép "cho ông mãi".

Không học văn Tây

Mợ bảo văn Tây ⁽¹⁾ chẳng khó gì !

Cho tiền đi học để chờ thi.

Thôi thôi lạy mợ "xanh cẳng" lạy. ⁽²⁾

Mả tổ tôi không táng bút chì !

(1) Văn Tây : chữ quốc ngữ.

(2) Xanh cẳng : 50 (tiếng Pháp).

Đổi thi

Nghe nói khoa này sắp đổi thi
 Các thầy đồ cổ đồ mau đi !
 Dầu không bia đá còn bia miệng
 Vứt bút lông đi, giắt bút chì !

Ông cử thứ năm

Ông cử thứ năm, con cái ai ? ⁽¹⁾
 Học trò quan đốc Tả Thanh Oai.
 Nghe tin, cụ cố cười ha hả
 Vứt cả dao cầu xuống ruộng khoai !
 Thứ năm, ông cử ai làm nổi,
 Học trò quan đốc tỉnh Hà Nội ?
 Nghe tin, bà cố cười khi khi
 Đổ cả riêu cua xuống vũng lội ! ⁽²⁾

(1) Ông cử này bố là ông lang, mẹ bán bún riêu, may đồ cao (thứ năm), thực học cũng xoàng,

(2) Trong bài này, Tú Xương đã phá phách niêm luật thơ Đường, tạo nên một "air" rất mới

Mừng ông lang

Làm thuốc như ông cũng có tài
Thực là chăm chỉ lại lành trai.
Phen này mồ mả nhà ta phát :
Thi cử, hai con đỗ cả hai ! ⁽¹⁾

(1) Trong đó có ông cử Ba (Tức cử Nhu)

Mừng ông cử lấy vợ kè

Một sớm ơn vua chiếm bảng vàng
 Lam Kiều lối cũ lại lần sang.
 Câu văn Hán, Tống hay ghê gớm
 Quyển truyện Phan Trần ⁽¹⁾ thuộc cháo chan.
 Gỗ tốt nữ đem trồng cột giậu,
 Chim khôn sao khéo đậu nhà quan !
 Làng nho ai lại hơn ông nhỉ ?
 Có lẽ ông nay sướng nhất làng !

(1) Truyện phong tình.

***Câu đối mừng ông
phó Huyền ⁽¹⁾***

*Lão chữa già đâu, nghiêng ngửa vì ai nên tóc bạc,
Xuân sao trẻ mãi, xoay vần như thế vẫn đào non*

(1) Một người bà con nhà thơ, tuổi đã già mà lấy một bà vợ trẻ nên phải "nghiêng ngửa" chiều vợ. Câu dưới vừa tả cái "xuân tái lai" của phó Huyền, vừa tả cái "xuân tình" của người vợ trẻ thật thần tình (đặc biệt là thâm ý của các từ "xoay vần" và "đào non").

Kể lai lịch ⁽¹⁾

Cũng vồng cũng dù
 Cũng hèo cũng quắt ⁽²⁾
 Ăn, cậu cũng "thời"
 Ngủ, bà cũng "giấc" ⁽³⁾
 Tháng rét quạt lông
 Mùa hè bít tất.

Tráp tròn sơn đỏ, bà quyết theo trai ;
 Điều ống xe dài, cậu đành lễ phật.

Tai gài ngọn bút, anh kia dòng tịch sĩ xuất thân ; ⁽⁴⁾
 Lung giắt thẻ bài, chú nọ loại lính tuần được đất. ⁽⁵⁾
 Hai cậu con đóng vai ẩm tử, lối bếp bồi cậu cũng
 như nhau

Đôi đức bà lên mặt phu nhân, ngón dĩ thõa bà nào
 cũng nhất.

Nhất tắc mộ sư mô chi cực, ⁽⁶⁾ nay chùa này mai
 chùa khác, mở lòng từ tô tượng đức chuông ;
 Nhất tắc ham chài lái chi khu ⁽⁷⁾, lên mảnh nọ xuống
 mảnh kia, che miệng thế đóng dầu rót mật.

Thế mà

Bà vẫn nghênh ngang,

Cậu càng phong vận.

Ý hǎn cậu còn tuổi trẻ, tính hǎy thơ ngây ;

Quái thay bà đã về già, cũng còn lǎn thǎn...

(1) Hai nữ nhân vật thành Nam, vợ các quan lớn, góa chồng, thường ăn diện rất xa hoa và cho con trai cũng ăn diện như thế. Hai bà này có tính cách và nhiều hành vi giống với bà Phó Đuan (Số đỏ).

(2) Hèo, quất : trang bị của lính hầu kiệu.

(3) Lối nói "sang" của giới quý tộc.

(4) Tịch sĩ : nho sĩ.

(5) Ý nói ông quan xuất thân chỉ là lính tuần.

(6) Mộ sư mô chi cục : "rất mực mộ sư mô".

Tác giả chơi chữ : "cục" để đọc trạch...

(7) Khu, cũng để đọc trạch.

Để vợ chơi nhăng

Thọ kia mày có biết hay chẳng ?
 Con vợ mày kia, xiết nói năng !
 Vợ đẹp, của người không giữ được,
 Chồng ngu, mượn đũa để chơi nhăng.
 Ra đường đáng giá người trinh thực
 Trong dạ sao mà những gió trăng ?
 Mới biết hồng nhan là thế thế.
 Trăm năm trăm tuổi lại trăm thằng !

Mẹ vợ với chàng rể

Ài về nhấn bảo việc này cho :
Nhấn bảo ai rằng việc nhớ to ! ⁽¹⁾
Chép miệng, bà nuôi to cái đại,
Phờ râu, ông rể ẵm con so !
Cấm sào sâu quá nên thêm khổ, ⁽²⁾
Néo chặt dây vào hóa phải lo.
Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ
Tử qui thất lại một "con cò". ⁽³⁾

(1) Chuyện mẹ vợ và con rể tư thông đến có con.

(2) Cấm sào sâu khó nhổ (tục ngữ): quá thân thiết.

(3) Tử qui : thác về. Ý câu : Rốt cuộc chết vì một "con cò".

Phòng không ⁽¹⁾

Em giận thân em mãi chữa chồng,
 Ngày năm bảy mối tôi nằm không.
 Thiếu gì chốn ấy sâu trâu vó
 Mà lại nơi kia rằm cốm hồng,
 "Hầu lố" khách đà ba bảy chú,
 "Mét xì" Tây cũng bốn năm ông.
 Ép dầu ép mỡ, duyên ai ép ?
 Có mẩn may ra đã bế bông. ⁽²⁾

(1) Bài thơ nói về một cô gái vừa kiêu điệu với mọi người theo đuổi mình, lại vừa thích quan hệ lãng nhãng với bọn "Tây Tầu", rốt cuộc phải chịu cảnh "phòng không".

(2) Ý nói : chưa có bế bông chỉ vì... không mẩn.

Cô Tây đi tu

Rút cái mề đay ném xuống sông
Thôi thôi tôi cũng "mét xì" ông !
Âu đành chùa đó, âu đành phật
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ
Ai ngờ chữ "sắc" hóa ra "không" ! ⁽¹⁾
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ
Cái nợ trầu duyên rũ chửa xong. ⁽²⁾

(1) Ý nói : có hóa thành không.

(2) Ý nói : chưa dứt được nợ vợ chồng đã cưới nhau từ trước.

Bôn ông ăm Diêm

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà
 Trước nhà có miếu, có cây đa.
 Cửa hè sân ngõ chừng ba thước,
 Nửa lá tre pheo đủ một tòa.
 Mới sáu bận sinh đà sáu cậu,
 Trong hai dinh ở, có hai bà.
 Trông ông mốc thếch như trần gió
 Ông được phong lưu tại nước da. ⁽¹⁾

(1) Bài thơ chế giễu một hạng người sống rất tủn mủn vô nghĩa.

Nhà nho giả danh

Hỏi thăm quê quán ở nơi mô ?
Không học mà sao cũng gọi "đồ" ?
Ý hẳn người yêu mà gọi thế,
Hay là mẹ đẻ đặt tên cho ?
Áo quần đình áo trông ra "cậu"
Ăn nói nhê nhàng khác giọng ngô. ⁽¹⁾
Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt,
Mũi nó gồ gồ, trán nó giô.

(1) Anh ta nói giọng lơ lơ như Hoa kiều.

Phố Hàng Song

Ở phố Hàng Song ⁽¹⁾ thật lắm quan,
 Thành thì đen kịt, đốc thì lang ⁽²⁾
 Chồng chung vợ chạ, kìa cô Bó
 Đậu lạy quan xin, nọ chú Hàn.

(1) Thuộc Nam Định, nối liền với phố Hàng Nâu Tú Xương ở.

(2) Thành : viên phòng thành. Đốc: viên đốc học, có nhiều vết lang trên mặt.

Ông cò

Hà Nam, danh giá nhất ông cò ⁽¹⁾
Trông thấy ai ai chẳng dám ho.
Hai mái trống toang đành chịu đột ⁽²⁾
Tám giờ chuông đánh phải nằm co. ⁽³⁾
Người quên mất thẻ âu trời cãi,
Chó chạy ra đường có chủ lo. ⁽⁴⁾
Ngớ ngẩn đi xia, may vớ được
Chuyến này ắt hẳn kiếm ăn to ! ⁽⁵⁾

(1) Ông cò : viên cảnh sát (cầm Tây).

(2) Vì muốn lợp nhà phải xin phép lời thôi.

(3) Phép thiết quân luật : từ 8 giờ tối không ai được ra đường.

(4) Không mang thẻ thân, để chó chạy ra đường đều bị phạt nặng.

(5) Bắt được kẻ đi xia để phạt, tức... kiếm ăn to !

Cô hầu trách quan lớn

Chỉ trách người sao chẳng trách mình?
 Mình trung đâu đấy, trách người trinh ? ⁽¹⁾
 Áo dây com nặng bao nhiêu đũa ?
 Chiếu cạnh giường bên, mấy hột tình ?
 Tóc rối nổi riêng thì xét nét
 Giang sơn nghĩa cả nữ mần thình ! ⁽²⁾
 Cổ cong mặt lệnh, người đâu thế ? ⁽³⁾
 Cái cóc bôi vôi khéo đại hình !

(1) Một viên quan vì giỏi nịnh Tây mà có địa vị, đuổi một cô hầu vì cho cô lẳng lơ.

(2) Tác giả mượn lời cô hầu để vạch mặt viên quan này quên đất nước.

(3) Cổ bự như cái cong đựng nước, mặt to như cái lệnh làng : hạng người bị thịt thô bỉ.

Hót của trời

*Nó rủ nhau đi hót của trời ⁽¹⁾
Đang khi trời ngủ, của trời rơi.
Hót mau kéo nữa kinh trời dậy
Trời dậy thì bay chết bỏ đời !*

(1) Bọn quan lại vơ vét của dân.

Ngày xuân của làng thơ

Ngày ba tháng tám thấy đâu mà ?

Sao đến ngày xuân lắm thế a ?

Ý hẳn thật xôi lèn chặt dạ

Cho nên "con tỵ" mới thòi ra ?⁽¹⁾

(1) Thơ châm biếm hội "Tao đàn" do các nhà nho ở Nam Định lập ra, hằng năm cứ đầu xuân lại họp nhau làm thơ, và chèn chèn là chính - Thơ họ được tác giả ví với thứ "thòi ra" sau khi "lèn chặt dạ" !

Năm mới chúc nhau

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cõi
Thiên hạ bao nhiêu đứa già râu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang
Đứa thì mua tước đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng
Vừa chửi vừa rao cũng đất hàng.

Nó lại chúc nhau cái sự giàu,
Trăm nghìn vạn mớ để vào đâu ?
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu ?

Nó lại mừng nhau có lẫn con
 Sinh năm để bầy được vuông tròn
 Phổ phường chật hẹp người đông đúc
 Bồng bế nhau lên nó ở non.

Bất chúc ai ta chúc mấy lời :
 Chúc cho khắp hết cả trên đời
 Vua, quan, sĩ, thứ người trong nước
 Sao được cho ra cái giống người !⁽¹⁾

(1) Đoạn cuối này, có người bảo không phải thuộc bài thơ, mà do người khác ghép vào. Nhưng theo tôi, chính đoạn này mới "nặng cân" : Tú Xương phát biểu quan điểm của mình ; Và ngoài ông, không ai có được cái khẩu khí ngang tàng "coi trời bằng vung" như vậy.

Nó tương đương với 2 câu sau :

Nhân tài đất Bắc nào ai đó
 Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

Xuân

Xuân từ trong ấy mới ban ra ⁽¹⁾
Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.
Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Loẹt lòe trên vách, bức tranh gà.
Chí cha chí chất khua giầy dép
Đen thui đen thui cũng lượt là.
Dám hỏi những ai nơi cố quận ⁽²⁾
Rằng xuân xuân mãi thế ru mà ?

(1) Trong ấy : Trong Kinh đô Huế (vua làm lễ rồi ban lệnh dân đón xuân).

(2) Cố quận : non nước cũ.

Hát tuồng

*Nào có ra chi lũ hát tuồng !⁽¹⁾
 Cũng hò cũng hét cũng y uông ;
 Dẫu rằng đối được đàn con trẻ
 Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn !⁽²⁾*

(1) Âm chỉ bọn người tập tễnh ra làm việc cho thực dân Pháp.

(2) Mặt bôi vôi : nghĩa đen là hóa trang mặt, nghĩa bóng là bôi gio trát trấu lên mặt.

Phường như⁽¹⁾

Bấy lâu chơi với rất phường như
Quen quá ưa nhìn chả biết dơ.
Nào sọt nào quang nào bộ gấp,
Đứa bung đứa hót, đứa đang chờ.
Mình hôi mũi ngạt không kì quẩn
Áo ẩm cơm no vẫn nhớn như.
Ngán nổi hàng phường khi cúng tế
Vẽ ông ôm đít để lên thờ !⁽²⁾

(1) Bài này tác giả viết nhân Vũ Tuấn đang cày cục Hoàng Cao Khải để được chân hậu bổ.

Phường như : nghĩa đen chỉ những người đi lượm phân, nghĩa bóng chỉ bọn quan lại mưu bồng lộc như bản.

(2) Tức "thần tượng" để tế cúng của "phường như".

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
Phần I. TỰ TRÀO	11
Tự cười mình	13
Ta chẳng ra chi	15
Hỏi mình	15
Hỏi đùa mình	16
Cảm hứng	16
Quan tại gia	17
Thói đời	18
Mùa nực áo bông	19
Thái vô tích	19
Than thân chưa đạt	20
Đi thi nói ngông	21
Thầy đồ dạy học	22
Đi thi	23
Phú hổng khoa canh tí	24
Phần II. PHONG NGUYỆT TÌNH	
HOÀI GIANG HỒ KHÍ CỐT	27
Tết dán câu đối	28
Ba cái lẳng nhăng	29
Thú cô đầu	29

Tết tặng cô đầu	30
Đi hát mất ô	30
Không chiều đái	31
Hỏi ông trời	32
Tự Đắc	33
Chú Mán	34
Nghèo mà vẫn vui	35
Áo bông che bạn	36
Hoá ra dưa	37
Gửi người cũ	38
Nhớ bạn phương trời	39
Cái nhớ	40
Hỏi ông trăng	40
Chiêm bao	41
Văn tế sống vợ	42
Phú thầy đồ dạy học	44
Phần III. NỖI ĐỜI	47
Thương vợ	48
Khóc em gái	49
Than nghèo	50
Một nén tâm hương	51
Gần tết, than việc nhà	52
Đau mắt	53
Thề với người ăn xin	54
Than cùng	55
Đêm hè	56

Chợt giấc	56
Dạ hoài	57
Đêm dài	57
Thiếu nữ đi tu	58
Viếng bạn	59
Cảm tết	61
Lấy lẽ	62
Vị hoàng hoài cổ	63
Sống Láp	64
Than đạo học	65
Chữ nho	66
Hồng thi khoa quý mào	66
Buồn thi hồng	67
Hề mai tứ hồng	68
Tết cô đầu	69
Lục năm bính ngọ	70
Mưa tháng bảy	71
Đại hạn	72
Gửi ông thủ khoa Phan	73
Câu đối tết	74
Câu đối than thân	76
Phần IV. TẤN TUỒNG ĐỜI	77
Đất vị Hoàng	78
Vì tiền	79
Bắt được đồng tiền	80
Đồng tiền	81

Tiến sĩ giấy	82
Chế ông đốc học	82
Bốn tri phủ Xuân Trường	83
Chế ông huyện Đ	84
Ông Hàn	85
Ông Ấm	86
Đùa bạn ở tù	87
Bợm già	88
Đạo đức giả	89
Ông Hàn bị vợ dọa bỏ	90
Sư ở tù	91
Con buôn	92
Nước buôn	93
Chửi cậu ấm	94
Mồng hai tết viếng cô Kí	95
Thông gia với quan	96
Lên đồng	97
Sư ông và mấy ả lên đồng	98
Than sự thi	99
Năm mới	100
Lễ xướng danh khoa đình dậu (1897)	101
Giễu người thi đỗ	102
Khoa canh tí	102
Bác cử Nhu	103
Ông cử Ba	104
Ông tiến sĩ mới	105

Không học văn Tây	106
Đổi thi	107
Ông cử thứ năm	107
Mừng ông lang	108
Mừng ông cử lấy vợ kế	109
Câu đối mừng ông phó Huyện	110
Kể lai lịch	111
Để vợ chơi nhăng	113
Mẹ vợ với chàng rể	114
Phòng không	115
Cô Tây đi tu	116
Bốn ông ấm Diêm	117
Nhà nho giả danh	118
Phố Hàng Song	119
Ông cò	120
Cô hầu trách quan lớn	121
Hót cửa trời	122
Ngày xuân của làng thơ	123
Năm mới chúc nhau	124
Xuân	126
Hát tuồng	127
Phường nhơ	128

1

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

Thơ Tú Xương

KIỀU VẦN

(tuyển chọn, giới thiệu, tái bản)

Chịu trách nhiệm xuất bản :
ĐẶNG TẤN HƯỚNG

<i>Biên tập</i>	:	HIẾU DŨNG
<i>Sửa bản in</i>	:	THÁI HOÀNG
<i>Bìa</i>	:	VĂN NGUYỄN
<i>Thực hiện</i>	:	TRẦN TUẤN

In 1.000 cuốn, khổ 10 x 18 cm tại Xí nghiệp In số 4. Số Đăng ký KHXB : 149 VH/502/XB-QLXB Cục xuất bản cấp ngày 13-4-2001. Giấy trích ngang số : 252/GTNXB do NXBTH Đồng Nai cấp ngày 14-12-2001. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2002.